

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2024/QĐST –HNGĐ

Bình Sơn, ngày 14 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 155/2024/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Trần Thị H, sinh năm 1990;

2/ Anh Phạm Minh H1, sinh năm 1982;

Cùng nơi cư trú: V, thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 23/3/2011. Sau khi kết hôn anh, chị sống với nhau hạnh phúc nhưng vài năm gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn với lý do anh, chị thường có lời qua tiếng lại, thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát nhau làm ảnh hưởng đến các con, anh, chị cũng cố gắng giải quyết mâu thuẫn để tìm tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình nhưng cho đến nay thì cả hai không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nay anh, chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh H1 mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H xác định có hai con chung là là Phạm Trần Bảo T, sinh ngày 03/11/2013 và Phạm Trần Bảo V, sinh ngày 25/10/2018. Anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H thỏa thuận giao cháu Phạm Trần Bảo T và Phạm Trần Bảo V cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Trần Bảo T và Phạm Trần Bảo V định kỳ hàng tháng mỗi cháu mỗi tháng là 3.000.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ tháng 3/2024 cho đến khi cháu T và cháu V đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H xác định không có.

[Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H thống nhất có hai con chung là Phạm Trần Bảo T, sinh ngày 03/11/2013 và Phạm Trần Bảo V, sinh ngày 25/10/2018. Anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H thỏa thuận giao cháu Phạm Trần Bảo T và Phạm Trần Bảo V cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Trần Bảo T và Phạm Trần Bảo V định kỳ hàng tháng mỗi cháu mỗi tháng là 3.000.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ tháng 3/2024 cho đến khi cháu T và cháu V đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, một trong các bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: không có.

1.5. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Phạm Minh H1 và chị Trần Thị H có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh, chị đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002022, ngày 06/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3 Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4 Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Võ Đình Chung

